

**BÁO CÁO**

**tổng kết thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 25/8/2021  
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu  
sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025**

-----

Sau 05 năm triển khai thực hiện, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh báo cáo tổng kết thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 25/8/2021 về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025 như sau:

**I- CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**1. Công tác quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện**

Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 24-KH/TU, ngày 19/3/2021 lãnh đạo, chỉ đạo công tác quán triệt, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIV. Các huyện ủy, thành ủy, đảng uỷ trực thuộc quán triệt nội dung Đề án tại Hội nghị báo cáo viên cấp tỉnh, cấp huyện; tổ chức hội nghị học tập và quán triệt, triển khai đến các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, đồng thời tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân. 08/08 huyện, thành phố tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai đến cán bộ chủ chốt cấp huyện, xã và chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở tổ chức học tập, quán triệt, xây dựng kế hoạch cụ thể hóa triển khai thực hiện Đề án<sup>(1)</sup>. Qua công tác tuyên truyền, quán triệt, nhận thức, trách nhiệm của cấp uỷ đảng, chính quyền, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, định hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung được nâng lên, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện. Các cấp, ngành, địa phương nắm vững nội dung cơ bản, trọng tâm, cốt lõi của Đề án, xác định rõ trách nhiệm của mình trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện.

**2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và triển khai thực hiện**

Thực hiện Đề án của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 66/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025; Ủy

---

<sup>10</sup> Các huyện ủy, thành ủy đã tổ chức 2.550 hội nghị phổ biến, quán triệt nội dung Đề án số 04-ĐA/TU với tổng số 147.671 lượt người tham gia. Trong đó đảng viên 23.627 lượt người, quần chúng và Nhân dân 124.044 lượt người.

ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 68/QĐ-UBND, ngày 21/01/2022 về Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025. Các huyện, thành phố ban hành chương trình hành động, kế hoạch cụ thể hóa để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án. UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện các nghị quyết, đề án cấp tỉnh, trong đó đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối nông, lâm nghiệp là Trưởng Ban Chỉ đạo; các huyện, thành phố thành lập ban chỉ đạo do đồng chí bí thư huyện ủy, thành ủy làm trưởng ban. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch vốn, ban hành các văn bản chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc để các huyện, thành phố triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Đề án.

Thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận toàn bộ các dự án đầu tư xây dựng theo Đề án số 04-ĐA/TU, ngày 25/8/2021 của Tỉnh ủy. Việc bàn giao đầu mối quản lý đã tạo điều kiện thuận lợi trong thống nhất theo dõi, quản lý và đôn đốc triển khai các dự án hạ tầng thuộc Đề án.

### **3. Công tác kiểm tra, giám sát**

Hằng năm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Đề án. Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp, mục tiêu cụ thể của Đề án. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể các cấp thường xuyên theo dõi, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, đề án và các chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức các buổi làm việc với các ban thường vụ huyện ủy, thành ủy về tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, gắn với việc thực hiện nghị quyết đại hội đảng bộ cấp trên, trong đó có Đề án số 04-ĐA/TU<sup>(2)</sup>. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn công tác, chỉ đạo tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Đề án và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của các huyện, thành phố. Qua công

---

<sup>20</sup> Năm 2022 Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức 02 buổi làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy Tân Uyên, Tam Đường, trong đó có nội dung thực hiện Đề án số 04-ĐA/TU. Năm 2023 Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra tại huyện Than Uyên, trong đó có nội dung kiểm tra việc thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu theo Đề án số 04-ĐA/TU. Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về tổ chức triển khai thực hiện các công trình dự án đầu tư giai đoạn 2018-2022 trên địa bàn thành phố, trong đó có các dự án thuộc Đề án số 04-ĐA/TU. UBND tỉnh lồng ghép kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ của Đề án tại các buổi làm việc với UBND các huyện, thành phố về tình hình phát triển nông nghiệp và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tại các huyện, thành phố. Sở Kế hoạch và Đầu tư giám sát và đánh giá đầu tư một số dự án sử dụng ngân sách nhà nước năm 2022 trên địa bàn thành phố, trong đó có các dự án thuộc Đề án số 04-ĐA/TU. UBND các huyện, thành phố lồng ghép nội dung thực hiện các nhiệm vụ của Đề án tại các cuộc kiểm tra, buổi làm việc liên quan.

tác kiểm tra, giám sát đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế và chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục kịp thời, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

## **II- KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

### **1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Đề án**

#### ***1.1. Về giao thông nội đồng***

Đầu tư mở mới 8,73/9,5 km đường trục chính vùng lúa, đạt 91,89% mục tiêu Đề án; mở mới 24,9/24,5 km đường trục chính vùng chè, đạt 101,63% mục tiêu Đề án; mở mới 43/45 km đường nhánh vùng chè, đạt 95,56% mục tiêu Đề án. Đầu tư và hỗ trợ sau đầu tư hạ tầng đạt 72,5%/80% nhu cầu vùng lúa, 62,63%/70% nhu cầu vùng chè; đầu tư mới 52,7/50,5 km đường trục chính vùng cây ăn quả và vùng sản xuất tập trung theo liên kết, đạt 104,35% mục tiêu Đề án; đầu tư trên 147,8/80 km đường vùng mắc ca, đạt 184,75% mục tiêu Đề án; đầu tư mới 117,15/80 km vùng trồng quế, đạt 146,4% mục tiêu Đề án (nhà nước đầu tư 42,19/30 km ; doanh nghiệp và nhân dân tự đầu tư 74,96/50 km); đầu tư mới 168,9/70 km vùng trồng cây gỗ lớn, đạt 241,28% mục tiêu Đề án (nhà nước đầu tư 7,4/9 km; doanh nghiệp, cá nhân tự đầu tư 161,5/61 km).

#### ***1.2. Về thủy lợi***

Trước khi triển khai Đề án, hệ thống thủy lợi của tỉnh mới chỉ đáp ứng nước tưới chủ động cho 1.732 ha, còn 1.768 ha lúa chưa được bảo đảm tưới chủ động, thiếu nước cục bộ. Tỉnh đã đầu tư 08 dự án với quy mô: Kiên cố hoá 22 đập đầu mối, đầu tư mới 0,7 km kênh mương, nâng cấp 44,0 km kênh mương, đáp ứng nhu cầu nước tưới chủ động cho 1.342 ha lúa hàng hóa tập trung, nâng tổng diện tích lúa tập trung được tưới chủ động lên 3.074/ 3.500 ha, đạt 87,8% mục tiêu Đề án.

### **2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án**

#### ***2.1. Hạ tầng vùng cây mắc ca***

Theo Đề án, đến năm 2025 trồng mới khoảng 4.000 ha, doanh nghiệp tự đầu tư 80 km theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C. Đến hết năm 2025, tổng diện tích mắc ca trên địa bàn toàn tỉnh có 7.421 ha<sup>(3)</sup>, trong đó diện tích trồng mới 3.686 ha (*năm 2021: 1.689 ha; năm 2022: 1.142 ha; năm 2023: 724 ha; năm 2024: 131 ha*). Các doanh nghiệp đầu tư mở mới trên 147,8 km đường sản xuất theo tiêu chuẩn giao thông nông thôn cấp C tại vùng trồng cây mắc ca, đạt 184,75% nhiệm vụ Đề án (*2 km/147,8 km được cứng hóa, tỷ lệ*

<sup>30</sup> Lũy kế đến hết năm 2025, tổng diện tích cây mắc ca trên địa bàn toàn tỉnh là 7.421 ha, trong đó: Thành phố Lai Châu 280,4 ha, huyện Than Uyên 1.549,08 ha, huyện Tân Uyên 2.696,43 ha, huyện Tam Đường 1.002,82 ha, huyện Phong Thổ 683,40 ha, huyện Sìn Hồ 694,45 ha, huyện Nậm Nhùn 83,18 ha, huyện Mường Tè 431,16 ha.

*cứng hóa đạt 1,35%*). Việc phát triển diện tích trồng cây mắc ca được các địa phương quan tâm, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư, hỗ trợ nhân dân trồng xen chè, cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn là 1.549 ha, trong đó diện tích trồng mới 616/665 ha; đến nay doanh nghiệp (*Công ty cổ phần tập đoàn Liên Việt Lai Châu*) đã đầu tư mở mới 69,1/13 km đường sản xuất, đạt 531% nhiệm vụ Đề án, đáp ứng cho vùng sản xuất 938 ha (2/69,1 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa đạt 2,89%).

- Huyện Tân Uyên: Tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn là 2.696 ha, trong đó diện tích trồng mới 1.627/1.100 ha; đến nay, các doanh nghiệp đã đầu tư mở mới 78,7/22 km đường sản xuất (*Công ty cổ phần tập đoàn Liên Việt Lai Châu 62,4 km; Công ty Cổ phần Dương Gia Lai Châu 11,3 km; Công ty phát triển rừng Tây Bắc 5 km*), đạt 357,7 % nhiệm vụ Đề án, đáp ứng cho vùng sản xuất 1.280 ha.

- Huyện Tam Đường: Tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn là 1.003 ha, trong đó diện tích trồng mới 290/800 ha (*chủ yếu trồng xen chè*). Theo nhiệm vụ của Đề án đến năm 2025 đầu tư mới 16 km; tuy nhiên không triển khai thực hiện do chưa thu hút được dự án đầu tư trồng mắc ca.

- Huyện Phong Thổ: Tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn là 683 ha, trong đó diện tích trồng mới 509/630 ha. Theo nhiệm vụ của Đề án đến năm 2025 đầu tư mới 13 km; tuy nhiên không triển khai thực hiện do chưa thu hút được dự án đầu tư trồng mắc ca.

- Huyện Sìn Hồ: Tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn là 694 ha, trong đó diện tích trồng mới 568/374 ha. Theo nhiệm vụ của Đề án đến năm 2025 đầu tư mới 7,5 km; tuy nhiên không triển khai thực hiện.

- Huyện Mường Tè: Tổng diện tích cây mắc ca hiện có trên địa bàn huyện là 431 ha, trong đó diện tích trồng mới 100/431 ha. Theo nhiệm vụ của Đề án đến năm 2025 đầu tư mới 8,5 km; tuy nhiên không triển khai thực hiện.

## **2.2. Hạ tầng vùng chè**

Các huyện, thành phố đã đầu tư 12/15 dự án với tổng quy mô 105,5km, trong đó: nâng cấp 37,6/87 km đường giao thông nông thôn cấp C vùng chè hiện có, đạt 43,21% nhiệm vụ Đề án; đầu tư mở mới 67,9/69,5 km đường theo tiêu chuẩn giao thông nông thôn cấp C vùng trồng mới<sup>(4)</sup> đạt 97,69% nhiệm vụ Đề án. Giao thông nội đồng đạt khoảng 62,63%/70% nhu cầu vùng chè

<sup>40</sup> Riêng 03 Tiểu dự án: Đường giao thông vùng chè xã Mường Khoa, vùng chè xã Bản Bo, Đường Tả Lèng - vùng chè cổ thuộc Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản (JICA), hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt các tiêu dự án trên, tuy nhiên không được ký kết Hiệp định vay vốn nên không có kinh phí để triển khai thực hiện

(77,8/105,5 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 73,74%). Việc phát triển hạ tầng thiết yếu tại vùng chè đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân vận chuyển giống, vật tư, đưa cơ giới hóa vào sản xuất; góp phần thay đổi diện mạo nông thôn gắn với phát triển du lịch; tuy nhiên, vẫn chưa đáp ứng tốt nhu cầu về hạ tầng giao thông, do diện tích vùng chè lớn, gồm nhiều vùng khác nhau, cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Thực hiện đầu tư 03 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 27,74/27 km (12,08/27,74 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa đạt 43,54%); phục vụ cho vùng sản xuất 630/630 ha; đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Tân Uyên: Thực hiện đầu tư 02/03 dự án đường giao thông với quy mô nâng cấp 14,99/34,5 km, đạt 43,4% nhiệm vụ Đề án (4,03/14,99 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 26,88%); phục vụ cho vùng sản xuất khoảng 293/950 ha, đạt 30,8% nhiệm vụ Đề án. Dự án Đường giao thông vùng chè xã Mường Khoa thuộc Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản (JICA), hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt các tiểu dự án trên, tuy nhiên không được ký kết Hiệp định vay vốn nên không có kinh phí để triển khai thực hiện.

- Huyện Tam Đường: Thực hiện đầu tư 03/05 dự án đường giao thông với quy mô: nâng cấp 8,1/38 km, đạt 21,3% nhiệm vụ Đề án; mở mới 2,5/2,5 km, đạt 100% nhiệm vụ Đề án; 10,6/10,6 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 100%; phục vụ cho vùng sản xuất 350/950 ha, đạt 36,8% nhiệm vụ Đề án. Dự án Đường giao thông vùng chè xã Bản Bo và dự án Đường Tả Lèng - vùng chè cổ, thuộc Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản (JICA), Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt các tiểu dự án trên, tuy nhiên không được ký kết Hiệp định vay vốn nên không có kinh phí để triển khai thực hiện.

- Thành phố Lai Châu: Thực hiện đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô nâng cấp 13/13 km (tỷ lệ cứng hóa 100%) phục vụ cho vùng sản xuất khoảng 200/200 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Phong Thổ: Thực hiện đầu tư 03 dự án đường giao thông với quy mô: nâng cấp 1,5/1,5 km, đạt 100% nhiệm vụ Đề án; mở mới 37,7/40 km (38,1/39,2 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 97,1%); phục vụ cho vùng sản xuất khoảng 650/680 ha, đạt 95,58% nhiệm vụ Đề án.

### **2.3. Hạ tầng vùng sản xuất lúa hàng hóa**

Các huyện, thành phố thực hiện đầu tư 11/13 dự án, với tổng quy mô 16,13 km, trong đó: nâng cấp 7,4/12 km, đạt 61,67% nhiệm vụ Đề án; mở mới 8,73/9,5 km đường nội đồng giao thông trực chính theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C, đạt 91,89% nhiệm vụ Đề án (12,4/16,13 km được cứng

hóa, tỷ lệ cứng hóa 76,87%); giao thông nội đồng đạt khoảng 72,5%/80% nhu cầu vùng lúa; đầu tư mới 0,7/3,7 km kênh mương, đạt 18,91% nhiệm vụ Đề án; kiên cố 44/48,8 km kênh mương, đạt 91,67% nhiệm vụ Đề án, kiên cố hóa 22/18 đập đầu mối và nhằm ổn định nguồn nước tưới phục vụ vùng sản xuất lúa hàng hóa<sup>(5)</sup>. Việc đầu tư các dự án hạ tầng tại vùng lúa đã cơ bản đạt và vượt mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, vận chuyển giống, vật tư, phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, nâng cao thu nhập gắn với xây dựng nông thôn mới. Kết quả cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Thực hiện đầu tư 02/04 dự án với quy mô nâng cấp đường giao thông nội đồng trực chính 7,4/12 km, đạt 61,7% nhiệm vụ Đề án (7,1/7,4 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 95,94%), phục vụ vùng sản xuất 119/370 ha; nâng cấp, cải tạo 01/02 đập đầu mối và 17,7/20 km kênh mương, ổn định nước tưới phục vụ sản xuất khoảng 344/734 ha, đạt 46,7% nhiệm vụ Đề án. Nhiệm vụ xây mới 02 đập đầu mối, 3 km kênh, kiên cố 01 đập đầu mối chưa thực hiện<sup>(6)</sup>.

- Huyện Tân Uyên: Thực hiện đầu tư 02 dự án mở mới 4,5/4 km đường giao thông nội đồng trực chính, đạt 112,5% nhiệm vụ Đề án (1,1/4,5 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 24,44%), phục vụ cho vùng sản xuất khoảng 60/50 ha; kiên cố, nâng cấp 08/01 đập đầu mối và 4,3/6,8 km kênh mương, ổn định nước tưới phục vụ sản xuất khoảng 277/277 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Tam Đường: Thực hiện đầu tư 01 dự án kiên cố, nâng cấp 03/03 đập đầu mối và 6,6/6,6 km kênh mương đáp ứng ổn định nước tưới phục vụ sản xuất cho khoảng 301/301 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Thành phố Lai Châu: Thực hiện đầu tư 01 dự án kiên cố, nâng cấp 04/04 đập đầu mối và 5,1/5,1 km kênh mương ổn định nước tưới phục vụ sản xuất cho khoảng 94/94 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Phong Thổ: Thực hiện đầu tư 02 dự án mở mới 4,23/5,5 km đường giao thông nội đồng trực chính (4,23/4,23 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 100%), phục vụ cho vùng sản xuất khoảng 100/100 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án; sửa chữa, nâng cấp 02/02 đập đầu mối và 1,995/1,8 km kênh mương, ổn định nước tưới phục vụ sản xuất cho khoảng 22/22 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Sìn Hồ: Thực hiện đầu tư 01 dự án kiên cố, nâng cấp 01/01 đầu

---

<sup>50</sup> Riêng 02 Tiểu dự án: Nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy lợi Mường Than; Dự án cải tạo đường trực chính cánh đồng Mường Than thuộc Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản (JICA), Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt dự án, tuy nhiên không được ký kết Hiệp định vay vốn nên không có kinh phí để triển khai thực hiện.

<sup>60</sup> Dự án cải tạo đường trực chính cánh đồng Mường Than thuộc Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản (JICA), Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt dự án, tuy nhiên không được ký kết Hiệp định vay vốn nên không có kinh phí để triển khai thực hiện

mới và xây mới 0,7/0,7 km kênh, kiên cố 1,9/1,9 km kênh mương, ổn định nước tưới phục vụ sản xuất cho khoảng 147/147 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Nậm Nhùn: Thực hiện đầu tư 01 dự án kiên cố 01/01 đập đầu mối và nâng cấp 1,776/2,0 km kênh mương, ổn định nước tưới phục vụ sản xuất cho khoảng 75/75 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Mường Tè: Thực hiện đầu tư 01 dự án kiên cố 02/02 đập đầu mối và nâng cấp 4,6/4,6 km kênh mương, ổn định nước tưới phục vụ sản xuất cho khoảng 82/82 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

#### **2.4. Hạ tầng vùng cây ăn quả và vùng sản xuất tập trung theo liên kết**

Các huyện đã đầu tư 07 dự án với quy mô mở mới 52,7/50,5 km đường giao thông nông thôn cấp C, đạt 104,35% (27,04/53,1 km được cứng hóa, đạt 50,93%). Việc đầu tư các dự án hạ tầng tại vùng cây ăn quả và hạ tầng vùng sản xuất tập trung theo liên kết đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân đi lại, vận chuyển vật tư, đưa cơ giới hóa vào sản xuất, cụ thể:

##### **a) Hạ tầng vùng cây ăn quả**

- Huyện Tân Uyên: Đầu tư 02 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 16/13 km, đạt 123% nhiệm vụ Đề án (6,3/16 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 39,38%); phục vụ cho 160/205 ha, đạt 78% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Tam Đường: Đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 1,47/1,5 km, đạt 98,4% nhiệm vụ Đề án (tỷ lệ cứng hóa 100%); phục vụ cho 20/60 ha, đạt 33,3% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Phong Thổ: Đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 13,9/14 km, đạt 99,28% nhiệm vụ Đề án (10,81/13,9 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 77,77 %); phục vụ cho 500/230 ha cây ăn quả, đạt 217% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Sìn Hồ: Đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 6,38/6 km (0,89/6,38 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 13,9%); phục vụ cho vùng sản xuất khoảng 300/300 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Nậm Nhùn: Đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 5/5 km (chưa được cứng hóa); phục vụ cho 150/150 ha cây ăn quả, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

##### **b) Hạ tầng vùng sản xuất tập trung theo liên kết**

Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 10,3/11 km theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C (7,56/10,3 km được cứng hóa, đạt 73,4 %); phục vụ cho 113/500 ha cây mía,

đạt 22,6% nhiệm vụ Đề án.

### **2.5. Hạ tầng vùng quê**

Các huyện thực hiện mở mới 117,15/80 km, đạt 146,4% nhiệm vụ Đề án (3,55/146,4 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 2,4%); phục vụ cho vùng sản xuất trên 8.800 ha quê, cụ thể:

*a) Hạ tầng do nhà nước đầu tư tại vùng quê đã có và trồng mới do nhân dân trồng*

Ủy ban nhân dân các huyện đầu tư 13 dự án đường giao thông nông thôn cấp C vùng quê do nhân dân trồng, với quy mô mở mới 42,19/30 km, đạt 142,6% nhiệm vụ Đề án, cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Đầu tư 02 dự án với quy mô mở mới 3,72/3,5 km (0,7/3,72 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 18,81%); phục vụ vùng sản xuất 1.061/1.061 ha cây quê, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Tân Uyên: Đầu tư 03 dự án với quy mô mở mới 16,7/10,5 km (chưa được cứng hóa); phục vụ vùng sản xuất 3.600/3.482 ha cây quê, đạt 103,4% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Phong Thổ: Đầu tư 02 dự án với quy mô mở mới 2/2 km (1,75/2 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 87,5 %); phục vụ vùng sản xuất 58/727 ha cây quê, đạt 7,79% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Sìn Hồ: Đầu tư 02 dự án với quy mô mở mới 11,91/7 km (0,9/11,91 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 7,5 %); phục vụ vùng sản xuất 2.306/2.306 ha cây quê, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Nậm Nhùn: Đầu tư 02 dự án với quy mô mở mới 3,86/4 km (0,2/3,86 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 5,18%); phục vụ vùng sản xuất 450/861 ha cây quê, đạt 52,3% nhiệm vụ Đề án và 200/200 ha cây gỗ lớn, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Mường Tè: Đầu tư 02 dự án với quy mô mở mới 4/4 km (chưa được cứng hóa); phục vụ vùng sản xuất 1.350/1.350 ha cây quê, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

*b) Hạ tầng do nhà nước hỗ trợ đầu tư tại vùng quê trồng mới do doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hoặc liên kết với người dân đầu tư*

Các doanh nghiệp, các hộ gia đình thực hiện đầu tư được trên 74,96/50 km đường sản xuất<sup>(7)</sup>, đạt 149,92% nhiệm vụ Đề án (chưa được cứng hóa);

<sup>70</sup> 74,96 km đường sản xuất, bao gồm: tại huyện Tân Uyên: Công ty phát triển rừng Tây Bắc 20 km; Công ty An Đức Minh 7 km; Hộ gia đình ông Trần Thanh Bình 14 km; Hộ gia đình ông Đinh Tiên Hùng, ông Huy, ông Tiên và

phục vụ vùng quê doanh nghiệp và các hộ gia đình trồng. Tuy nhiên, do vướng mắc giữa Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ với Luật Đầu tư công nên đến nay chưa thực hiện hỗ trợ.

## **2.6. Hạ tầng vùng trồng cây gỗ lớn**

Các huyện đầu tư 168,9/70 km đường sản xuất vùng trồng cây gỗ lớn, đạt 241,28% nhiệm vụ Đề án (1,69/168,9 km được cứng hóa; do nhà nước đầu tư), tỷ lệ cứng hóa 1%, cụ thể:

### *a) Hạ tầng do nhà nước đầu tư tại vùng cây gỗ lớn do nhân dân trồng*

Ủy ban nhân dân các huyện đã, đang thực hiện đầu tư 03 dự án với quy mô mở mới 7,4/9 km đường trục chính theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C, đạt 82,2% nhiệm vụ Đề án; phục vụ cho 2.100 ha, cụ thể:

- Huyện Than Uyên: Đầu tư 01 dự án với quy mô mở mới 1,7/1,5 km (1,69 km được cứng hóa, tỷ lệ cứng hóa 99,4%); phục vụ vùng trồng 600/600 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Tân Uyên: Đầu tư 01 dự án với quy mô mở mới 3,2/1,5 km (chưa được cứng hóa); phục vụ vùng trồng 400/600 ha, đạt 66,67% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Tam Đường: Theo nhiệm vụ của Đề án, đầu tư 1,5 km đường trục chính (chưa được cứng hóa) theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp C, phục vụ vùng sản xuất khoảng 500 ha; tuy nhiên, do chưa hình thành vùng nên huyện không triển khai thực hiện.

- Huyện Sìn Hồ: Đầu tư 01 dự án đường giao thông với quy mô mở mới 2,5/2,5 km (chưa được cứng hóa); phục vụ vùng sản xuất với diện tích 900/900 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Nậm Nhùn: Đang thực hiện dự án đường giao thông vùng quê, cây gỗ lớn 1,92/2 km (chưa được cứng hóa); phục vụ cho vùng sản xuất 200/200 ha, đạt 100% nhiệm vụ Đề án.

- Huyện Mường Tè: Theo nhiệm vụ của Đề án, đầu tư 1,0 km đường trục chính (chưa được cứng hóa); phục vụ vùng sản xuất khoảng 200 ha; tuy nhiên, do chưa hình thành vùng nên huyện không triển khai thực hiện.

*b) Hạ tầng do nhà nước hỗ trợ đầu tư vùng cây gỗ lớn trồng mới do doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư hoặc liên kết với người dân đầu tư*

Các doanh nghiệp đã thực hiện đầu tư 161,5/61 km đường phục vụ sản

xuất<sup>(8)</sup>, đạt 264,75% nhiệm vụ Đề án (*chưa được cứng hóa mặt và rãnh*); tuy nhiên do vướng mắc giữa Nghị định số 57/2018/NĐ-CP, ngày 17/4/2018 của Chính phủ với Luật Đầu tư công nên đến nay chưa thực hiện hỗ trợ.

### **3. Kết quả triển khai thực hiện các giải pháp**

#### ***3.1. Về tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp trong triển khai thực hiện***

Các cấp ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục hạn chế để triển khai thực hiện hiệu quả và phù hợp với thực tiễn. Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, trọng tâm là cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Qua đó, nâng cao nhận thức, đồng thuận của nhân dân, góp phần thực hiện hiệu quả Đề án.

Việc tuyên truyền, quán triệt các nội dung của Đề án gắn với thực hiện các nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển rừng bền vững và phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung. Tích cực vận động nhân dân tham gia bằng các hình thức tự nguyện hiến đất, đóng góp ngày công lao động<sup>(9)</sup>,... và tích cực phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án.

#### ***3.2. Về huy động và tập trung nguồn lực, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng nguồn vốn***

Ưu tiên bố trí 357.163 triệu đồng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn để triển khai thực hiện Đề án với tổng số vốn 351.931 triệu đồng. Các dự án được phê duyệt, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, theo thứ tự ưu tiên: đường trục chính làm trước, đường nhánh làm sau; ưu tiên các dự án phục vụ trực tiếp cho vùng sản xuất hàng hoá, các vùng trồng mới; dự án được phê duyệt, thực

<sup>80</sup> 161,5 km đường sản xuất, bao gồm: Công ty cổ phần nông lâm FOBIC 130 km; Công ty Cổ phần Đầu tư xuất nhập khẩu nông lâm sản Phương Bắc 5 km; Các hộ gia đình trồng Giổi khu vực Nậm Sắt, xã Nậm Cắn 20 km; Hộ gia đình ông Nguyễn Thái Hòa 3,5 km; Hộ gia đình ông Lê Văn Phương 3 km.

<sup>90</sup> Nhân dân tại các huyện, thành phố đã tự nguyện hiến trên 69,4 ha đất và đóng góp ngày công lao động quy ra tiền với giá trị trên 12,2 tỷ đồng (trong đó: Thành phố Lai Châu nhân dân đóng góp ngày công với giá trị 539 triệu đồng; huyện Than Uyên nhân dân đóng góp ngày công với giá trị 456 triệu đồng; huyện Tân Uyên nhân dân hiến trên 23,7 ha đất và đóng góp ngày công với giá trị 126 triệu đồng; huyện Tam Đường nhân dân hiến trên 0,45 ha đất và đóng góp ngày công với giá trị 388 triệu đồng; huyện Phong Thổ nhân dân hiến đất (trên 42,2 ha) và ngày công quy ra tiền với giá trị trên 10,5 tỷ đồng; huyện Nậm Nhùn nhân dân hiến trên 3 ha đất; huyện Mường Tè nhân dân đóng góp ngày công lao động quy ra tiền với giá trị trên 152 triệu đồng.

hiện theo đúng quy định về đầu tư, xây dựng.

Thực hiện hiệu quả phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", nhân dân hiến đất làm công trình và góp công lao động, giá trị quy đổi khoảng 12,2 tỷ đồng; quá trình thực hiện đảm bảo khách quan, minh bạch, được nhân dân cơ bản đồng thuận, hưởng ứng và tham gia.

### **3.3. Về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác công trình sau đầu tư**

Các cấp, các ngành tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân trong việc sử dụng, khai thác và bảo vệ các công trình sau đầu tư; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố rà soát kiện toàn các ban quản lý, tổ quản lý vận hành các công trình thủy lợi, giao thông và tổ chức tập huấn cho người dân vận hành và bảo vệ công trình; trang bị kiến thức cơ bản, cần thiết và kỹ năng hoạt động giúp các thành viên ban quản lý, tổ quản lý thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình trên địa bàn, tăng hiệu quả sử dụng và tuổi thọ công trình.

### **3.4. Về cơ chế, chính sách**

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 66/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 về phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông, lâm nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025. Các huyện, thành phố thực hiện đảm bảo tiến độ các dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Đầu tư công tại các vùng sản xuất: Vùng chè, vùng lúa, vùng cây ăn quả, vùng liên kết sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, vùng cây quế và vùng cây gỗ lớn do nhân dân trồng.

## **4. Kết quả thực hiện vốn và nguồn vốn**

*Tổng nhu cầu vốn theo Đề án là 821.793 triệu đồng, trong đó:*

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã giao 448.263 triệu đồng, đáp ứng 100% kế hoạch giao vốn đầu tư công ngân sách địa phương, trong đó: Đề án phát triển hạ tầng vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung: 298.263 triệu đồng<sup>(10)</sup>. Tổng kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đã giao chi tiết đến danh mục dự án 357.163 triệu đồng<sup>(11)</sup>. Tổng kế hoạch vốn đã phân bổ hằng năm 351.931 triệu đồng; lũy kế giá trị giải ngân đến ngày 10/12/2025 là 333.348 triệu đồng.

- Nguồn vốn ODA: 228.766 triệu đồng (*chưa thực hiện*).

- Nguồn xã hội hóa: 151.064 triệu đồng (*doanh nghiệp đầu tư 148.800*

<sup>100</sup> Đề án phát triển rừng bền vững 150.000 triệu đồng (bao gồm 6.300 triệu đồng thực hiện dự án Tăng cường năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng).

<sup>110</sup> Vùng chè 133.695 triệu đồng; vùng sản xuất lúa hàng hóa 86.293 triệu đồng; vùng cây ăn quả và vùng sản xuất tập trung theo liên kết 78.275 triệu đồng; vùng quế 48.050 triệu đồng; vùng trồng cây gỗ lớn 10.850 triệu đồng.

triệu đồng, nhân dân đóng góp 2.264 triệu đồng); đã thực hiện 131.630 triệu đồng (doanh nghiệp đầu tư 119.343 triệu đồng, nhân dân đóng góp 12.196 triệu đồng).

*Cụ thể đối với từng vùng sản xuất:*

- Hạ tầng vùng mắc ca 60.000 triệu đồng; doanh nghiệp đã thực hiện 60.000 triệu đồng.

- Hạ tầng vùng chè 311.831 triệu đồng; kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã giao 133.631 triệu đồng (*lũy kế giá trị giải ngân 128.630 triệu đồng*); nguồn vốn xã hội hóa 5.163 triệu đồng.

- Hạ tầng vùng lúa 139.187 triệu đồng; kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã giao 85.411 triệu đồng (*lũy kế giá trị giải ngân 79.364 triệu đồng*); nguồn vốn xã hội hóa 1.958 triệu đồng.

- Hạ tầng vùng cây ăn quả, vùng sản xuất tập trung theo liên kết 78.275 triệu đồng; kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã giao 76.656 triệu đồng (*lũy kế giá trị giải ngân 70.826 triệu đồng*); nguồn vốn xã hội hóa 4.375 triệu đồng.

- Hạ tầng vùng cây quế 131.850 triệu đồng; kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã giao 47.152 triệu đồng (*lũy kế giá trị giải ngân 46.715 triệu đồng*); nguồn vốn xã hội hóa 26.034 triệu đồng.

- Hạ tầng vùng cây gỗ lớn 108.500 triệu đồng; kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn đã giao 7.816 triệu đồng (*lũy kế giá trị giải ngân 7.815 triệu đồng*); nguồn vốn xã hội hóa 34.100 triệu đồng.

### **III- ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Kết quả đạt được**

Tỉnh ủy lãnh đạo các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội triển khai sâu rộng Đề án đến cán bộ, đảng viên và nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, lồng ghép với thực hiện các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy về nông nghiệp. Chính quyền các cấp kịp thời cụ thể hoá Đề án bằng các kế hoạch, nghị quyết để triển khai thực hiện. Các dự án theo hình thức đầu tư công thuộc Đề án đã được phê duyệt, triển khai đầu tư xây dựng bảo đảm tiến độ, phát huy hiệu quả đầu tư. Việc bố trí vốn hàng năm đảm bảo theo kế hoạch giao, đáp ứng tiến độ xây dựng và đúng quy định của Luật Đầu tư công. Hạ tầng giao thông vùng sản xuất do doanh nghiệp, nhân dân đầu tư cơ bản đáp ứng nhu cầu.

Mục tiêu đầu tư hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp được triển khai đúng định hướng. Nguồn vốn ngân sách nhà nước được ưu tiên, sử dụng hiệu quả, đồng thời huy động được các nguồn lực hợp pháp từ doanh

nghiệp và nhân dân để đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi và hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất. Các công trình được đầu tư đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức sản xuất, giảm chi phí, bảo đảm tiến độ gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô ngày càng lớn. Tỷ lệ cơ giới hóa trong các khâu sản xuất từng bước được nâng lên, góp phần tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người dân, đồng thời thúc đẩy cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đóng góp tích cực vào việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025.

## **2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

### **2.1. Tồn tại, hạn chế**

- Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến Đề án của một số nơi còn chưa kịp thời, sâu rộng, hiệu quả chưa cao. Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên, nhân dân ở một số nơi đối với Đề án còn hạn chế, nhất là ở vùng sâu, vùng xa.

- Một số địa phương thiếu quyết liệt, chưa chủ động tháo gỡ khó khăn nên khó thu hút được các doanh nghiệp vào đầu tư nông nghiệp. Số dự án đầu tư vào nông nghiệp chưa nhiều, nhất là lĩnh vực trồng rừng sản xuất, các dự án liên kết giữa sản xuất với chế biến, tiêu thụ.

- Việc huy động nguồn lực đầu tư, xã hội hóa và huy động tham gia, đóng góp của nhân dân trong xây dựng hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất nông nghiệp tập trung có mặt còn hạn chế; cơ bản các huyện, thành phố chưa bố trí thêm nguồn vốn, lồng ghép vốn để thực hiện Đề án (*trừ huyện Tân Uyên*).

- Một số nơi nhân dân chưa tích cực đóng góp, tham gia, chưa hợp tác trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nên một số dự án phải điều chỉnh, khó khăn cho doanh nghiệp thực hiện đầu tư.

- Các dự án trồng rừng, mắc ca, quế do doanh nghiệp thực hiện chưa được hỗ trợ đầu tư theo Đề án, chính sách hỗ trợ của tỉnh.

- Hạ tầng đường sản xuất nhìn chung mới được đầu tư mở nền tại các huyện có điều kiện thuận lợi, tỷ lệ cứng hoá mặt đường, hệ thống thoát nước còn thấp, khó khăn cho việc di chuyển nhất là mùa mưa; một số huyện chưa triển khai thực hiện theo nhiệm vụ của Đề án (*hạ tầng vùng sản xuất mắc ca, quế, cây gỗ lớn*) do không thu hút được các doanh nghiệp vào đầu tư.

### **2.2. Nguyên nhân**

*a) Nguyên nhân khách quan*

- Do địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, lợi thế cạnh tranh trong sản xuất nông nghiệp kém hấp dẫn; thiên tai, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; tình hình chính trị thế giới biến động khó lường làm đứt gãy nhiều chuỗi cung ứng, tiêu thụ nên giá cả nguyên liệu, vật tư đầu vào tăng cao, giá nông sản xuống thấp... ảnh hưởng rất lớn đến triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án, nhất là các nhiệm vụ xã hội hoá nguồn lực.

- Một số quy định của pháp luật còn vướng mắc, chồng chéo, chậm được tháo gỡ; nhiều quy định mới chậm hướng dẫn, khó khăn khi thực hiện các thủ tục đầu tư kinh doanh, đất đai.

- Tập quán, tư duy sản xuất cá thể còn tồn tại trong một bộ phận nông dân nên việc triển khai liên kết trong nông nghiệp còn gặp khó khăn; doanh nghiệp trên địa bàn quy mô, kinh nghiệm, trình độ quản lý, công nghệ sản xuất còn thấp, năng lực sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế.

- Nguồn vốn dự kiến hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư hạ tầng vùng quê, cây gỗ lớn đến nay chưa thực hiện do thủ tục hỗ trợ thực hiện theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ có vướng mắc với các quy định của Luật Đầu tư công.

*b) Nguyên nhân chủ quan*

- Một số cấp uỷ, chính quyền, nhất là cấp cơ sở chưa thực sự quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền vận động; việc tổ chức thực hiện ở một số nơi chưa quyết liệt, chưa kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; công tác kiểm tra, đôn đốc một số nơi chưa thật sự quyết liệt, thường xuyên.

- Mức đầu tư thấp, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh, huyện còn hạn hẹp, do đó chưa có kinh phí để cứng hoá mặt đường, hệ thống thoát nước.

- Có dự án được huyện phê duyệt với quy mô và kinh phí vượt mức được giao của Đề án nên khó khăn trong cân đối nguồn vốn để thực hiện<sup>(12)</sup>. Nguồn vốn ODA xác định trong Đề án chưa được phê duyệt nên các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn này chưa được triển khai.

#### **IV- BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

*Một là*, việc đầu tư phát triển hạ tầng sản xuất nông nghiệp thực sự phát huy hiệu quả khi gắn với tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý đi đôi với nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của chính quyền cơ

---

<sup>120</sup> Đề án giao huyện Sin Hồ thực hiện dự án Đường giao thông vùng Quê các xã Nậm Hăn, Nậm Cuối, Cấn Co, huyện Sin Hồ có quy mô đầu tư mới 1,0 km đường GTNT cấp C phục vụ 450 ha cây quê, tổng mức đầu tư 1.550 triệu đồng. Tuy nhiên, thực tế triển khai thực hiện UBND huyện đã phê duyệt dự án với quy mô 5,91 km đường GTNT cấp C, tổng mức đầu tư 7.850 triệu đồng nên chưa cân đối được nguồn vốn còn thiếu cho dự án.

sở. Thực tiễn triển khai Đề án cho thấy, những địa phương chủ động, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành; làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân; linh hoạt trong huy động, lồng ghép nguồn lực thì tiến độ triển khai nhanh, hiệu quả đầu tư rõ nét, tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội.

*Hai là*, đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi vùng sản xuất không chỉ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp mà còn góp phần quan trọng nâng cao năng lực tổ chức sản xuất, chủ động phòng, chống và ứng phó với thiên tai, tìm kiếm cứu nạn, phòng cháy chữa cháy rừng. Hạ tầng được đầu tư đồng bộ đã tạo điều kiện thuận lợi cho cơ giới hóa, giảm lao động thủ công, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an toàn sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, nhất là tại các vùng sản xuất tập trung, vùng sâu, vùng xa.

*Ba là*, hiệu quả kinh tế - xã hội của Đề án khẳng định đầu tư hạ tầng là khâu then chốt để thu hút doanh nghiệp, mở rộng liên kết sản xuất, hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với sản phẩm, ngành hàng chủ lực. Những nơi hạ tầng được đầu tư tương đối hoàn chỉnh sẽ thu hút các doanh nghiệp tham gia đầu tư, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và đóng góp tích cực vào xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

*Bốn là*, công tác dân vận có vai trò đặc biệt quan trọng trong đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp. Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò chủ thể của nhân dân sẽ tạo được sự đồng thuận cao, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội để thực hiện các công trình hạ tầng, giảm chi phí đầu tư trong điều kiện ngân sách còn khó khăn.

## **V- NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI**

**1.** Quán triệt phát triển hạ tầng nông nghiệp theo hướng đầu tư công được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo nền tảng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc đầu tư phải trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp theo hướng đồng bộ, gắn với quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung và các sản phẩm, ngành hàng chủ lực của tỉnh. Tập trung đầu tư hoàn thiện giao thông, thủy lợi nội đồng, tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao mức độ cơ giới hóa, tăng năng suất lao động và hiệu quả sản xuất.

**2.** Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, thu hút doanh nghiệp tham gia đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Gắn đầu tư hạ tầng sản xuất với phát triển các ngành, lĩnh vực liên quan như dịch vụ, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp, góp phần đa dạng hóa sinh kế, thúc

đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Đề cao trách nhiệm tự lực của cấp ủy cấp xã trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng vùng sản xuất.

**3. Tăng cường lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các Chương trình mục tiêu quốc gia; phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình sau đầu tư; nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở, bảo đảm đầu tư hạ tầng trở thành động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững và kinh tế - xã hội của tỉnh.**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Các ban đảng Trung ương,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban đảng, các đảng ủy trực thuộc,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY  
PHÓ BÍ THƯ**

**Sùng A Hồ**